

Bản án số: 81/2025/HS-PT
Ngày 21-5-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Lê Sỹ Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Minh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 60/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 04 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2025/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: tổ D, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ú (chết) và bà Phạm Ngọc H; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/7/2024, T1, P và C đi xe buýt từ thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đến huyện P, tỉnh Bình Dương để làm thuê bốc vác củi cao su cho bà Phạm Thị L tại tổ D, ấp Đ, xã T, huyện P. Khoảng 12 giờ ngày 09/7/2024 thì P, C và T1 tạm ứng bà L số tiền 500.000 đồng để mua gạo và đồ ăn thì được bà L đồng ý. Lúc này, T1 mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc, biển số 93H5-3097 của ông Nguyễn Trọng T1 (là công nhân bốc vác chung) để đi mua đồ thì được ông T1 đồng ý. Sau khi mượn được xe, T1 không đi mua gạo và đồ ăn mà điều khiển xe mô tô biển số 93H5-3097 chạy về thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để chơi. Đến 16 giờ cùng ngày, T1 nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe để lấy tiền tiêu xài cá nhân. T1 điều khiển xe mô tô biển số 93H5-3097 đến gặp Danh Kim T2, ở khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. T1 nói với T2 là xe của người nhà, do cần tiền nên cầm cho T2 số tiền 2.000.000 đồng thì được T2 đồng ý. Sau khi cầm xe, T1 đến quán N thuộc phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước chơi game và tiêu xài hết số tiền trên. Ngày 18/7/2024, ông Nguyễn Trọng T1 đã đến Công an xã T sự việc.

Ngày 05/8/2024, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P, tỉnh Bình Dương, Kết luận định giá 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc, biển số 93H5-3097, số khung: RLHHC09046Y379012, số máy: HC09E6378685 trị giá 8.500.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Danh Kim T2 cho tên T3 (không rõ nhân thân lai lịch) mượn xe mô tô biển số 93H5-3097, đến nay chưa trả. Ngày 16/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện P ra Quyết định truy tìm vật số 935/QĐ-ĐTTH về việc truy tìm phương tiện giao thông đối với chiếc xe mô tô biển số 93H5-3097, nhưng đến nay chưa tìm được.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Trọng T1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển số 93H5-3097 với số tiền là 8.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2025/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, bị cáo kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2025/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 với nội dung xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp với động cơ tư lợi, bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Sau khi kháng cáo, bị cáo T cung cấp Giấy xác nhận của bị hại về việc bị cáo T đã bồi thường, khắc phục thiệt hại, đây là tình tiết giảm nhẹ hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuy nhiên Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2025/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tuyên phạt bị cáo 08 tháng tù là phù hợp, tương xứng tính chất, hành vi cũng như nhân thân của bị cáo nên nội dung kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2025/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: khoảng 12 giờ, ngày 09/7/2024, tại lô cao su thuộc ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Văn T mượn xe mô tô biển số 93H5-3097 của bị hại Nguyễn Trọng T1 để đi mua đồ. Sau khi mượn được xe, bị cáo chạy xe về thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để chơi. Đến 16 giờ cùng ngày bị cáo T1 nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe nên đem xe đi cầm đồ được 2.000.000đ và tiêu xài hết số tiền trên.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo, tại phiên tòa, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo 08 tháng tù là có căn cứ và phù hợp. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo cung cấp giấy xác nhận của bị hại Nguyễn Trọng T1 đã nhận đủ số tiền 8.500.000đ. Trong đơn xin vắng mặt của bị hại cũng thừa nhận đã nhận đủ số tiền bồi thường trên. Đây là số tiền bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để từ đó giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Tuy nhiên, về kháng cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chưa đủ điều kiện để được hưởng án treo nên việc kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương không chấp nhận giảm nhẹ hình phạt là không cùng quan điểm với Hội đồng xét xử. Về đề nghị không chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Bị cáo được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2025/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương về phần hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.